

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2022
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Vũ;

2. Ông Lê Gia Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966, địa chỉ: tổ 4, khóm CT, phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1965, địa chỉ: tổ 2, khóm CT 2, phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Bà H, ông P vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 1989, bà H và ông P do tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý nên sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung, bà H và ông P phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ năm 1990. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến cuộc sống chung của ông P và bà H như bà H trình bày. Quá trình sống chung, ông P và bà H chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau và không còn sống chung với nhau. Tình cảm giữa ông P đối với bà H không còn nên ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tòa án không hòa giải về tình cảm giữa bà H, ông P. Tòa án mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ.

* Tại phiên tòa:

- Thẩm phán công bố đơn khởi kiện của nguyên đơn, biên bản lời khai bị đơn, kết quả xác minh Ủy ban nhân dân phường CP B.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Năm 1989, bà H và ông P tự tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình nên sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà H và ông P là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng P. Ông P có nơi cư trú trên địa bàn thành phố X. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

**Về nội dung:*

[1] Quan hệ hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P do tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý nên sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P cùng cư trú tại phường CP B. Do đó, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân phường CP B, thành phố X, tỉnh An Giang cho biết bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CP B.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P sống chung với nhau từ năm 1989, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét, không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P thống nhất không có con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp. Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng P là vợ chồng.

[2] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002110 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng P là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP X (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TP X (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiên